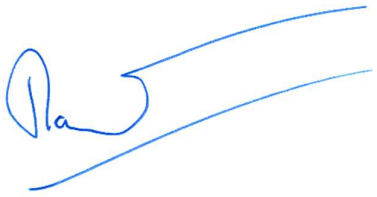
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC MẶT
THÁNG 11 NĂM 2026
PHẠM VI: LƯU VỰC SÔNG BẰNG GIANG – KỲ CÙNG

TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Trần Trung

NĂM 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG 3
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo 3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo 4
II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC 5
2.1. Dự báo lượng nước nội sinh 5
2.2. Dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng 7
2.3. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước 8
2.4. Cảnh báo nguồn nước mặt 9
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 9

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước mặt tháng trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp thông tin về dự báo tổng lượng nước nội sinh tại các vùng dự báo nhằm phục vụ các mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định pháp luật.

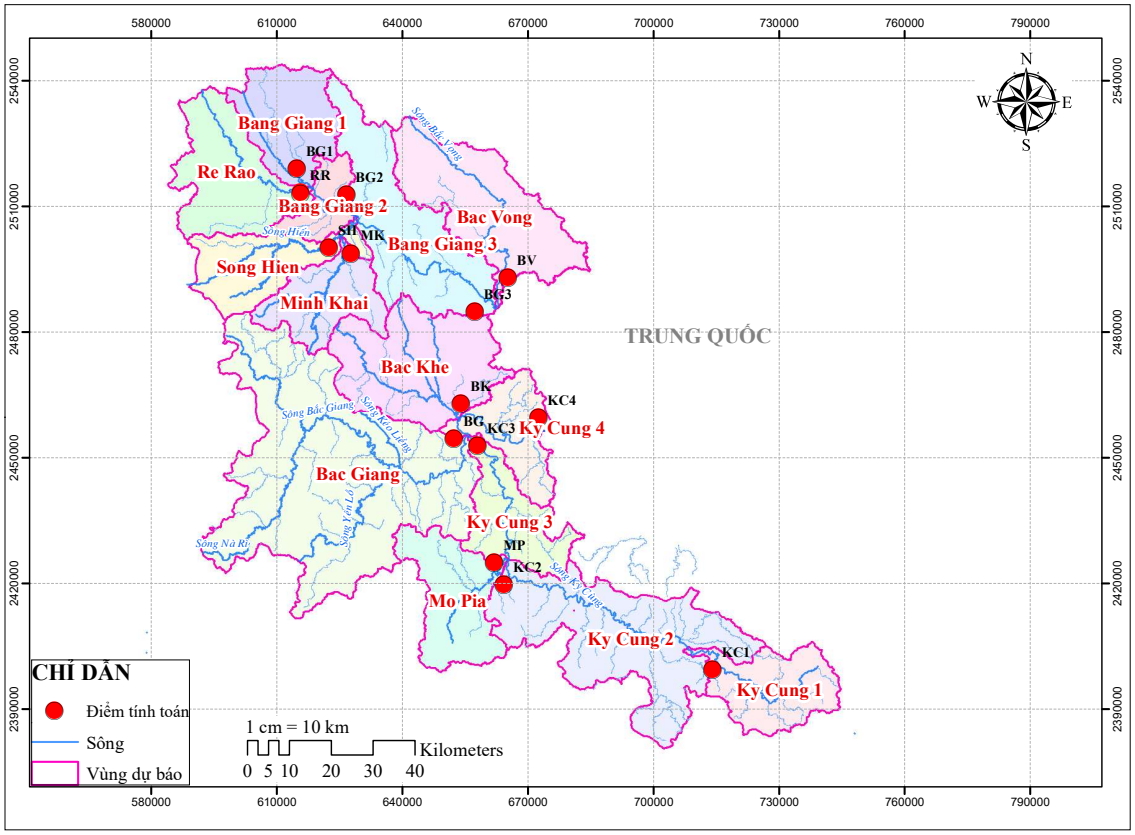
Lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng là một trong những lưu vực sông lớn ở Việt Nam, bao gồm 3 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Thái Nguyên với tổng diện tích lưu vực là 10.709 km^2.

Nội dung chính của Bản tin tháng bao gồm dự báo tổng lượng nước nội sinh, tổng lượng nước có thể khai thác sử dụng và cảnh báo nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông thông qua 14 vùng dự báo: Lưu vực sông Dẻ Rào, lưu vực sông Bắc Vọng, dòng chính sông Hiến, lưu vực sông Minh Khai, dòng chính Bằng Giang đoạn 1, dòng chính Bằng Giang đoạn 2, dòng chính Bằng Giang đoạn 3, lưu vực sông Bắc Khê, lưu vực sông Bắc Giang, lưu vực sông Mo Pia, dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1, dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2, dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3 và dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4.

Bảng 1. Vị trí dự báo trên các vùng dự báo

TT	Vùng dự báo	Ký hiệu	Diện tích (km^2)	Phạm vi thuộc tỉnh/TP
1	Lưu vực sông Dẻ Rào	RR	695,26	Cao Bằng
2	Lưu vực sông Bắc Vọng	BV	994,60	Cao Bằng
3	Dòng chính sông Hiến	SH	346,00	Cao Bằng
4	LVS Minh Khai	MK	447,00	Thái Nguyên
5	Dòng chính Bằng Giang đoạn 1	BG1	525,58	Cao Bằng
6	Dòng chính Bằng Giang đoạn 2	BG2	221,50	Cao Bằng
7	Dòng chính Bằng Giang đoạn 3	BG3	964,06	Cao Bằng
8	Lưu vực sông Bắc Khê	BK	858,00	Lạng Sơn
9	Lưu vực sông Bắc Giang	BG	2.486,00	Lạng Sơn và Thái Nguyên
10	Lưu vực sông Mo Pia	MP	608,00	Lạng Sơn
11	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1	KC1	459,00	Lạng Sơn
12	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2	KC2	1.406,94	Lạng Sơn
13	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3	KC3	337,91	Lạng Sơn

TT	Vùng dự báo	Ký hiệu	Diện tích (km^2)	Phạm vi thuộc tỉnh/TP
14	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4	KC4	359,15	Lạng Sơn
	Tổng cộng		**10.709**	



Hình 1.1: Phân vùng dự báo nguồn nước mặt thuộc lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng

1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

Trong khu vực này mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình nhiều năm lưu vực sông Bằng Giang vào loại thấp, dao động khoảng từ 1.400 – 1.750mm, trong đó vùng ít mưa nhất tại trạm Cao Bằng với lượng mưa trung bình năm khoảng 1.406mm; nơi có lượng mưa trung bình năm cao nhất là Nguyên Bình (1.764mm). Lượng mưa trung bình năm lưu vực sông Kỳ Cùng phổ biến từ khoảng 1.200 – 1.600mm, trong đó vùng ít mưa nhất tại Na Sầm với lượng mưa trung bình năm khoảng 1.118mm; nơi có lượng mưa trung bình năm cao nhất là Ngân Sơn (1.611mm).

Tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng là 8,2 tỷ m^3. Dòng chảy trên lưu vực sông Bằng Giang là 3,89 tỷ m^3 chiếm 49,3% tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm, lượng nước trên dòng chính lưu vực sông Kỳ Cùng là 1,8 tỷ m^3 chiếm 19,7%, lượng nước trên lưu vực sông Bắc Khê là 0,66 tỷ m^3 chiếm 8,2%, lượng nước trên lưu vực sông Bắc Giang là 1,85 tỷ m^3 chiếm 22,9 %.

II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC

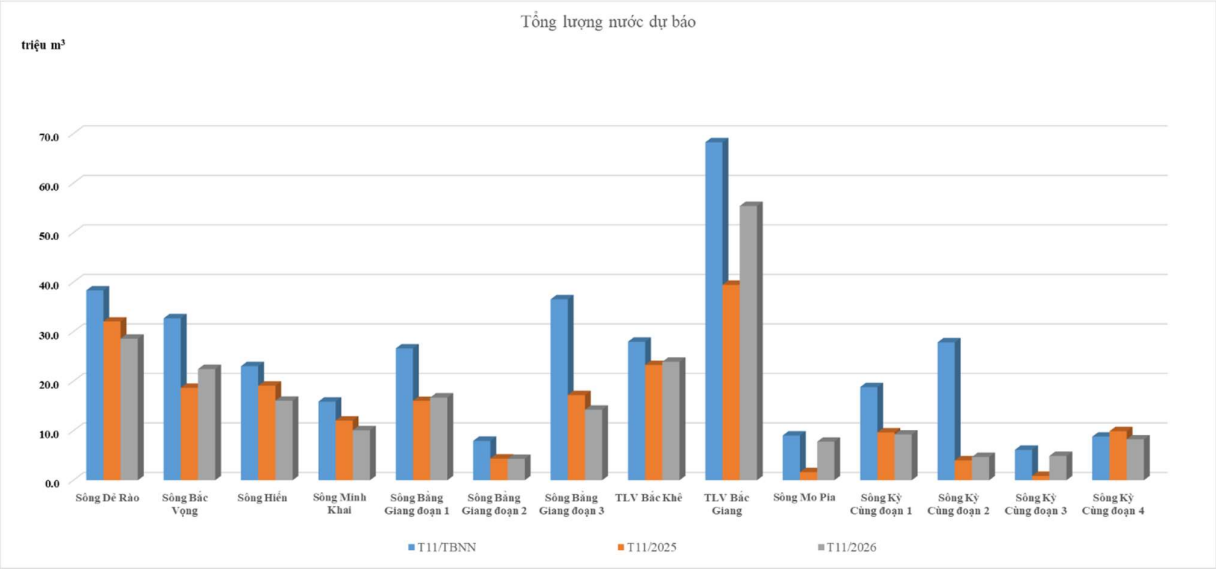
2.1. Dự báo lượng nước nội sinh

Lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng hiện nay thuộc 3 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Thái Nguyên với tổng diện tích là 10.709 km^2. Lưu vực sông được chia thành 14 vùng dự báo.

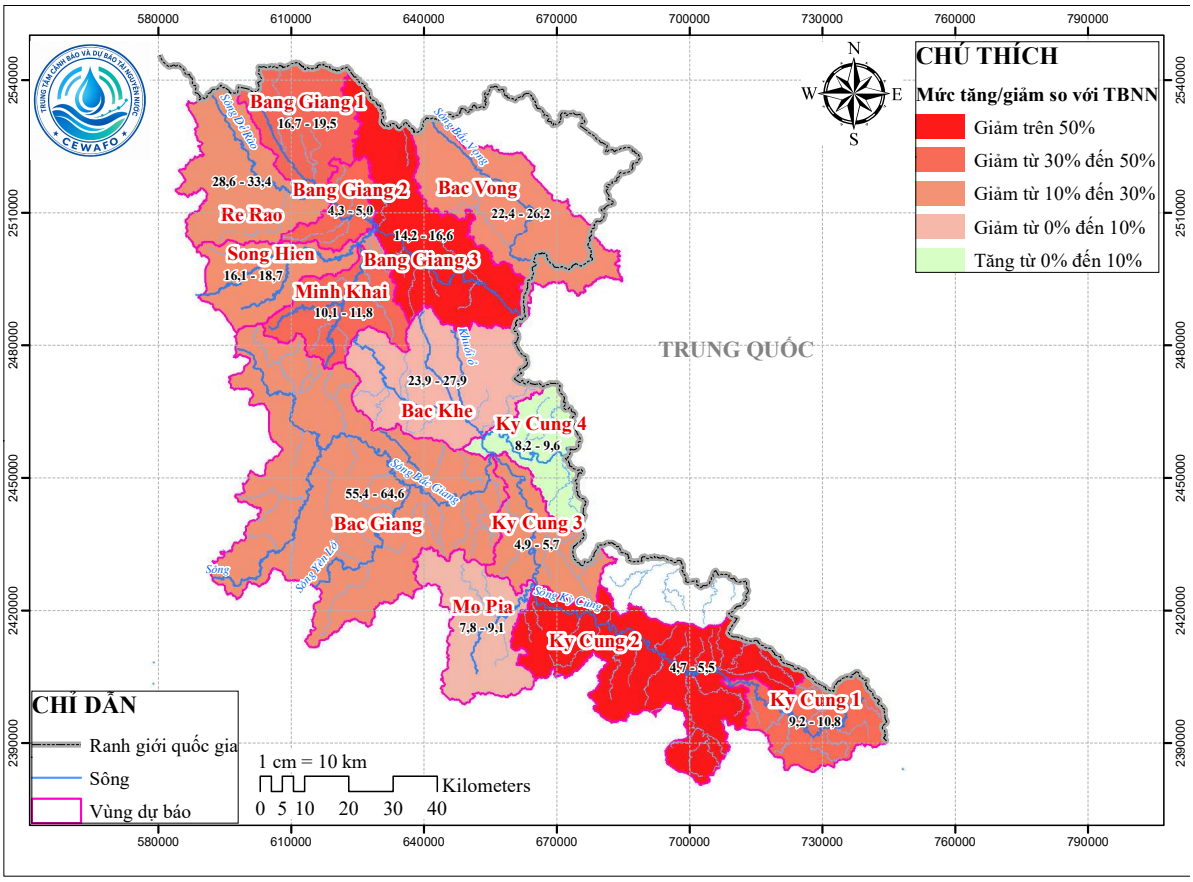
Căn cứ theo số liệu dự báo mưa từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia. Chúng tôi đã tiến hành tính toán, dự báo tổng lượng nước nội sinh đến 14 vùng thuộc lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng với kết quả từ 0,23 đến 0,26 tỷ m^3.

Bảng 2. Dự báo tổng lượng nước nội sinh trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng

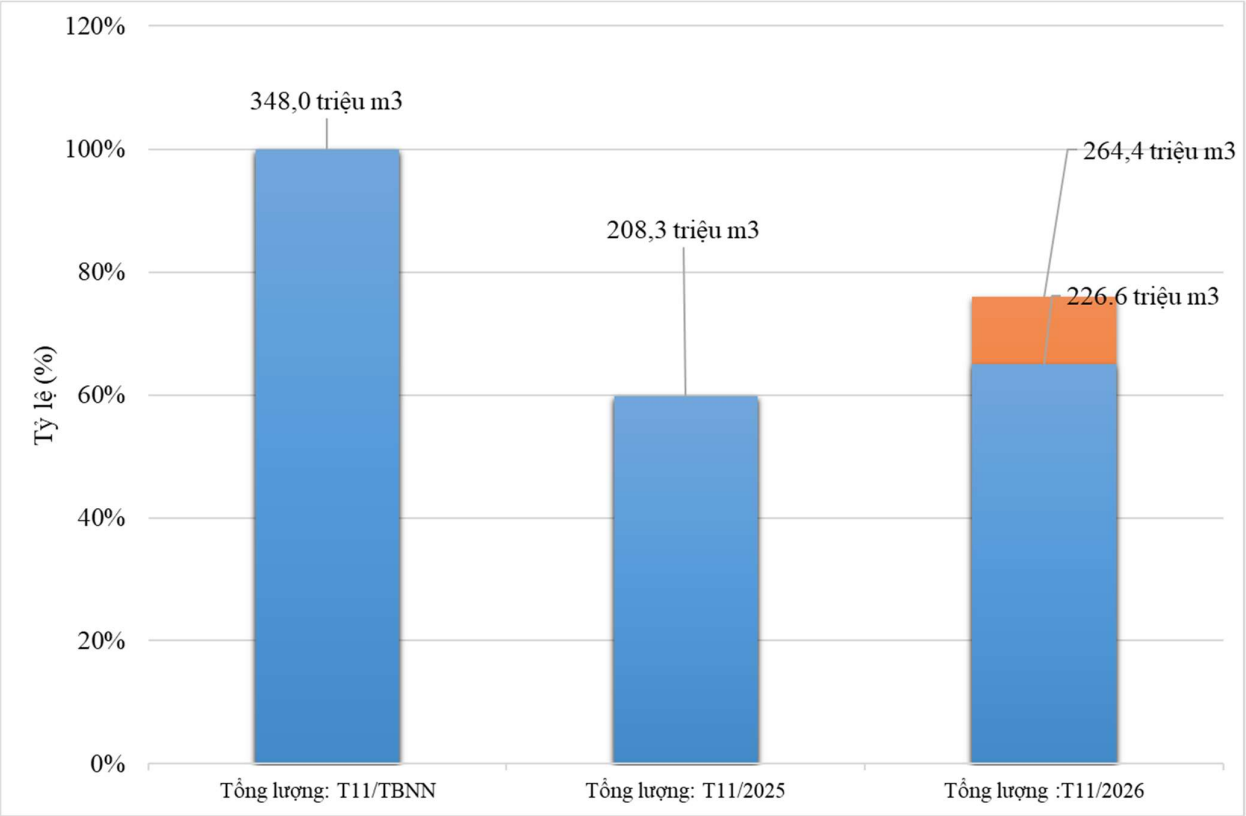
TT	Vùng dự báo	Tổng lượng nước dự báo (triệu m^3)	
		Từ	Đến
1	Lưu vực sông Dẻ Rào	28,6	33,4
2	Lưu vực sông Bắc Vọng	22,4	26,2
3	Dòng chính sông Hiến	16,1	18,7
4	LVS Minh Khai	10,1	11,8
5	Dòng chính Bằng Giang đoạn 1: từ biên giới VN - TQ đến trước nhập lưu sông Dẻ Rào	16,7	19,5
6	Dòng chính Bằng Giang đoạn 2: Sau nhập lưu sông Dẻ Rào đến trước nhập lưu sông Hiến	4,3	5,0
7	Dòng chính Bằng Giang đoạn 3: Sau nhập lưu sông Hiến đến biên giới VN - TQ	14,2	16,6
8	Lưu vực sông Bắc Khê	23,9	27,9
9	Lưu vực sông Bắc Giang	55,4	64,6
10	Lưu vực sông Mo Pia	7,8	9,1
11	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1: Thượng nguồn đến hồ Bản Lải	9,2	10,8
12	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2: Thủy văn Bản Lải đến trước nhập lưu sông Mo Pia	4,7	5,5
13	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3: Sau nhập lưu sông Mo Pia đến trước nhập lưu sông Bắc Giang	4,9	5,7
14	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4: Sau nhập lưu sông Bắc Giang đến biên giới VN - TQ	8,2	9,6



Hình 2.1: Dự báo tổng lượng nước nội sinh tại các vùng dự báo



Hình 2.2: Biểu đồ so sánh tổng lượng nước nội sinh dự báo tại các vùng dự báo trong tháng 11/2026 so với cùng kỳ TBNN



Hình 2.3: Biểu đồ so sánh tổng lượng nước nội sinh toàn lưu vực trong tháng 11/2026 so với cùng kỳ năm trước và cùng kỳ TBNN

2.2. Dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng

Dựa trên kết quả dự báo tổng lượng nước đến 14 vùng dự báo, tiến hành dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng tại 14 vùng trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng. Cụ thể như sau:

Bảng 3. Dự báo tổng lượng có thể khai thác sử dụng trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng

TT	Vùng dự báo	Sông	Lượng nước mặt có thể khai thác sử dụng (triệu m^3)	
			Từ	Đến
1	Lưu vực sông Dẻ Rào	Dẻ Rào	28,6	33.4
2	Lưu vực sông Bắc Vọng	Bắc Vọng	22,4	26.2
3	Dòng chính sông Hiến	Hiến	16,1	18.7
4	LVS Minh Khai	Minh Khai	10,1	11.8
5	Dòng chính Bằng Giang đoạn 1: từ biên giới VN - TQ đến trước nhập lưu sông Dẻ Rào	Bằng Giang	16,7	19.5
6	Dòng chính Bằng Giang đoạn 2: Sau nhập lưu sông Dẻ Rào đến trước nhập lưu sông Hiến	Bằng Giang	4,3	5.0

TT	Vùng dự báo	Sông	Lượng nước mặt có thể khai thác sử dụng (triệu m^3)	
			Từ	Đến
7	Dòng chính Bằng Giang đoạn 3: Sau nhập lưu sông Hiến đến biên giới VN - TQ	Bằng Giang	14,2	16.6
8	Lưu vực sông Bắc Khê	Bắc Khê	23,9	27.9
9	Lưu vực sông Bắc Giang	Bắc Giang	55,4	64.6
10	Lưu vực sông Mo Pia	Mo Pia	7,8	9.1
11	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1: Thượng nguồn đến hồ Bản Lải	Kỳ Cùng	9,2	10.8
12	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2: Thủy văn Bản Lải đến trước nhập lưu sông Mo Pia	Kỳ Cùng	4,7	5.5
13	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3: Sau nhập lưu sông Mo Pia đến trước nhập lưu sông Bắc Giang	Kỳ Cùng	4,9	5.7
14	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4: Sau nhập lưu sông Bắc Giang đến biên giới VN - TQ	Kỳ Cùng	8,2	9.6
Tổng			226.6	264,4

2.3. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước

Tháng 11 năm 2026 trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng, tổng lượng nước mặt dự báo dao động từ 0,22 đến 0,26 tỷ m^3, thấp hơn 28,4% so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Cụ thể tại các vùng dự báo như sau:

Vùng lưu vực sông Dẻ Rào: Có xu thế thấp hơn khoảng 3,3% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 19,2% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Bắc Vọng: Có xu thế cao hơn khoảng 30,4% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 25,6% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Hiến: Có xu thế thấp hơn khoảng 8,9% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 24,5% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Minh Khai: Có xu thế thấp hơn khoảng 9,3% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 31,1% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Bằng Giang đoạn 1: Có xu thế cao hơn khoảng 13,0% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 32,0% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Bằng Giang đoạn 2: Có xu thế cao hơn khoảng 7,1% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 41,0% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Bằng Giang đoạn 3: Có xu thế thấp hơn khoảng 10,2% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 57,8% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Bắc Khê: Có xu thế cao hơn khoảng 11,3% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 7,4% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Bắc Giang: Có xu thế cao hơn khoảng 52,0% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 12,1% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Mo Pia: Có xu thế cao hơn khoảng 416,5% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 6,7% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 1: Có xu thế cao hơn khoảng 3,5% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 46,8% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 2: Có xu thế cao hơn khoảng 27,0% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 81,7% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 3: Có xu thế cao hơn khoảng 501,3% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 13,7% so với trung bình nhiều năm.

Vùng lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 4: Có xu thế thấp hơn khoảng 9,9% so với tháng cùng kỳ năm trước và cao hơn khoảng 1,4% so với trung bình nhiều năm.

2.4. Cảnh báo nguồn nước mặt

Theo kết quả dự báo trong tháng 11, trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng ở trạng thái bình thường, không xảy ra hiện tượng thiếu nước tại các tiểu vùng.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trong tháng 11 tổng lượng nước mặt nội sinh dự báo trên phạm vi các tiểu lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng có xu hướng giảm với kết quả dự báo từ từ 0,22 đến 0,26 tỷ m^3, thấp hơn 28,4% so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ.

Căn cứ trên nhu cầu tháng của các tiểu vùng và đối chiếu kết quả dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng có thể thấy rằng, trong tháng 11 toàn bộ các tiểu lưu vực không bị thiếu nước. Tại các tiểu lưu vực này, việc điều hòa phân phối nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước trong phải tuân thủ theo thứ tự ưu tiên tại Khoản 1, Điều 35 của Luật Tài nguyên nước 2023.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: số 10 ngõ 42 phố Trần Cung, P. Nghĩa Đô, Hà Nội.

Email: ttqhdttnnqg_bktth@mae.gov.vn

Bản tin được phát hành vào ngày 02 tháng 11 năm 2026 và đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn